

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 04/2023 ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Tân Biên về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở “Siêu thị Co.opmart Tân Biên”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Biên tại Tờ trình số 16.45 ngày 05 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Tân Biên, địa chỉ tại khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Tân Biên, địa chỉ tại khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Tân Biên.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-062, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-062

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: dự án đầu tư nhóm III.

- Tổng diện tích cơ sở: 8.753,6 m².

- Công suất:

+ Diện tích xây dựng khối nhà chính: 4.471,82 m²

+ Diện tích xây dựng trạm xử lý nước thải và phòng máy bơm, bãi tập kết rác: 60,65 m²

+ Diện tích xây dựng nhà xe có mái che: 200 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Tân Biên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Tân Biên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.



Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Biên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *Vua*

Nơi nhận:

- Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM – Co.opmart Tân Biên;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện Tân Biên;
- Lưu: VT, PTNMT *lưu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Trỗi



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02./GPMT-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của
UBND huyện Tân Biên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng tại cơ sở, lưu lượng 7,2 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh cơ sở, lưu lượng 2 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực ẩm thực, nấu ăn, lưu lượng 8 m³/ngày.đêm

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau khi xử lý chảy qua ống nhựa PVC Ø60 mm, đặt nổi trên mặt đất 20-30 cm, dài khoảng 200 m, chảy ra hệ thống thoát nước của khu vực, sau đó chảy ra suối Cần Đăng, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: công thoát nước nằm trên đường Hoàng Quốc Việt thuộc khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Toạ độ vị trí xả nước thải theo hệ VN2000, múi 3⁰, KT 105⁰30':

Điểm	Hệ tọa độ VN2000, múi 3 ⁰ , KTT 105 ⁰ 30'	
	X	Y
Điểm đầu vào	555 278	1275 742
Điểm đầu ra	555 273	1275 732
Điểm xả thải	555 120	1275 706

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 17,2 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 16 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
----	--------------	--------	---------------------------	----------------------------	-----------------------------

1	pH	-	5-9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	COD	mg/l	-		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
6	Sunfua	mg/l	1		
7	Amoni	mg/l	5		
8	Nitrat	mg/l	30		
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng cùng với nước thải từ hoạt động vệ sinh siêu thị từ các phiếu thu sần, nhà vệ sinh, có lưu lượng 9,2 m³/ngày.đêm, được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn đến bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu vực ẩm thực, nấu ăn có lưu lượng 8 m³/ngày.đêm được dẫn đến bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng lưu lượng nước thải là 17,2 m³/ngày.đêm, cơ sở xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm, đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực, sau đó chảy ra suối Cần Đăng, khu phố 3, thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể sinh học MBR → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Soda, NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Thực hiện đảm bảo việc vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình, thu gom và xử lý nước thải.

3.3 Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải và phương thức xả nước thải từ hoạt động của cơ sở.



Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2014 của ...
UBND huyện Tân Biên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	TÊN CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	-
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	33
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	-
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	-
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	-
7	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	-
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	-
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	-
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	-
11	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	-
12	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn, lỏng	19 05 02	-

TT	TÊN CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
TỔNG CỘNG				39

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Hoạt động tại cơ sở không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	120

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, kín, khít đối với trường hợp lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 4 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho lưu chứa trong nhà: nền bê tông, tường lợp tôn kín, có mái che, có dán bảng cảnh báo chất thải nguy hại.

- Khả năng lưu giữ tối đa: 200kg.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa tại văn phòng, nhà vệ sinh, cửa trước và cửa sau.

- Số lượng thùng chứa: 10 thùng.

- Dung tích chứa: thùng chứa các loại 12L, 60L, 120L và 240L.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Đối với việc vận chuyển: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, CTNH theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121/GPMT-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023 của ...
UBND huyện Tân Biên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên đất của cơ sở theo tỷ lệ đã đề xuất trong biện pháp bảo vệ môi trường theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.